

Số: 106/QĐ - THCSNCT

Sơn Trà, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai chất lượng giáo dục
của trường THCS Nguyễn Chí Thanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN CHÍ THANH

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc tổ chức lại trường Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 2369/SGDĐT – KHTC ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024;

Công văn số 2735/UBND-PGDĐT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách, giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung trong năm học 2023-2024;

Căn cứ kết quả năm học 2022-2023 và tình hình thực tế nhà trường 2023-2024;

Theo đề nghị của Tổ Văn phòng trường THCS Nguyễn Chí Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu chất lượng giáo dục của trường THCS Nguyễn Chí Thanh năm học 2022-2023 và 2023-2024 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Văn phòng, tổ chuyên môn, các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng GD&ĐT;
- Ban biên tập Website;
- Lưu: VT, KT(KA).



HIỆU TRƯỞNG

Mai Huyền Thu Hoài

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

Công khai mức thu Học phí và các khoản thu khác từ người học
Năm học 2023-2024 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2023-2024			
1	Học phí	Đồng/ học sinh/tháng	300.000	NSNN hỗ trợ 100%
2	Vệ sinh trường học	Đồng/ học sinh/năm	70.000	
3	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/tiết/môn/ học sinh	11.000	
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ học sinh/ tháng	56.700	12 tháng = 680.400
II	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	Đồng/ học sinh/tháng	300.000	
2	Vệ sinh trường học	Đồng/ học sinh/năm	80.000	
3	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/tiết/môn/ học sinh	12.500	
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ học sinh/ tháng	56.700	4,5%MLCS x70%
III	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	Đồng/ học sinh/tháng	300.000	
2	Vệ sinh trường học	Đồng/ học sinh/năm	80.000	
3	Học thêm các môn văn hóa	Đồng/tiết/môn/ học sinh	12.500	
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ)	Đồng/ học sinh/ tháng	56.700	4,5%MLCS x70%

Sơn Trà, ngày 05 tháng 9 năm 2023

Hiệu trưởng



Mai Huyền Thu Hoài

THÔNG BÁO

Công khai các khoản chi năm học 2022-20223

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Các khoản chi thanh toán cá nhân	Đồng	9.097.000.000	
2	Các khoản chi hoạt động chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài	Đồng	452.000.000	
3	Mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý			
a	Mức cao nhất	Đồng/ người/tháng	13.507.298	
b	Mức bình quân	Đồng/ người/tháng	9.281.649	
c	Mức thấp nhất	Đồng/ người/tháng	5.056.000	
4	Mức chi thường xuyên/1 học sinh	Đồng/ học sinh/năm	10.057.229	
5	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	Đồng	468.000.000	

Sơn Trà, ngày 05 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Mã Huyền Thu Hoài

UBND QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền(Đồng)	Ghi chú
I	HỌC KỲ I			
1	Miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo, mồ côi, khuyết tật			NSNN hỗ trợ 100%
2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, khuyết tật	119	70.350.000	
3	Chính sách học bổng cho học sinh khuyết tật và thuộc hộ nghèo	5	23.840.000	
II	HỌC KỲ II			
1	Miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo, mồ côi, khuyết tật			NSNN hỗ trợ 100%
2	Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, khuyết tật	85	66.550.000	
3	Chính sách học bổng cho học sinh khuyết tật và thuộc hộ nghèo	4	23.840.000	

Sơn Trà, ngày 05 tháng 9 năm 2023

PHÊ DUYỆT



Hoài
Mai Huyền Thu Hoài

Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	100% Hs độ tuổi và TNTH ra lớp	100% Hs độ tuổi ra lớp	100% Hs độ tuổi ra lớp	100% Hs độ tuổi ra lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT Giáo dục 2018	CT Giáo dục 2018	CT Giáo dục 2018	CT Giáo dục 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Quy chế phối hợp giữa nhà trường và CMHS - Nội quy của học sinh - Điều lệ Trường THCS			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, ngày hội trại, các câu lạc bộ năng khiếu, rèn kỹ năng sống, hoạt động dã ngoại, về nguồn.... giúp cho học sinh có thể phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực. - Thư viện, các phòng thiết bị đồ dùng đáp ứng đầy đủ nhu cầu về sách giáo khoa, sách tham khảo, truyện, trang thiết bị hỗ trợ học tập cho học sinh.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	-Phẩm chất: Tốt: 96% Khá: 3.5% Trung bình: 0.5% -Năng lực: Giỏi:30% Khá:40% Trung bình:28% Yếu kém: 2%			



		- Sức khỏe: Tốt: 90% Đạt: 10%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh tự tin trong các hoạt động giáo dục khi lên lớp cao hơn

Sơn Trà, ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thư trưởng đơn vị



 Mai Huyền Thu Hoài



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp			
		Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8
1	Số học sinh chia theo hành kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	94,4	248	173	231
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	4,38	15	9	17
3	Trung bình (tỷ lệ % so với tổng số)	1,02	2		8
4	Yếu (tỷ lệ % so với tổng số)	0,1			1
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	20,9	62	35	43
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	31,8	88	52	48
3	Trung bình (tỷ lệ % so với tổng số) (Đạt)	40,8	102	71	104
4	Yếu (tỷ lệ % so với tổng số) (Không đạt)	6,22	13	24	24
5	Kém (tỷ lệ % so với tổng số)	0,2			2
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ % so với tổng số)	99,39	265	181	252
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	20,9	62	35	43
b	Học sinh tiến tiến (tỷ lệ % so với tổng số)	31,8	88	52	48
2	Thi lại (tỷ lệ % so với tổng số)	6,12	13	24	23
3	Lưu ban (tỷ lệ % so với tổng số)	0,61	0	1	5
4	Chuyển trường/di (tỷ lệ % so với tổng số)	1/24	0/7	0/7	1/5
5	Bị đuổi học (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0



6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	35	2	2	27	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	20	0	0	0	20
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	276	0	0	0	276
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	276	0	0	0	276
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	23.55				65
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31.88				88
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	44.57				123
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	516/464	143/122	93/89	143/114	137/139
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Sơn Trà, ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Mai Huyền Thu Hoài



Biểu mẫu 11

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	1.2
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	5	1.2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	8.900	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3.525	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	40	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	450	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền	20	



	thông (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	2	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	2	
1.2	Khối lớp 8	0	
1.3	Khối lớp 9	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	Chưa có	
2.2	Khối lớp 7	Chưa có	
2.3	Khối lớp 8	Chưa có	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	75	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu	14	
5	Thiết bị khác...		
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		
	Nội dung	Số lượng phòng,	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ



		tổng diện tích (m ²)			
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú				
XIII	Khu nội trú				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh
			Chung	Nam/Nữ	Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*				

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Sơn Trà, ngày 06 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thu Hoài

Biểu mẫu 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	62	0	9	49	4	0	0							
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	54		7	45	2			18	36	0	54			
1	Văn	9		1	8				2	7		9			
2	Toán	10		3	7				4	6		10			
3	Lý	6			5	1			2	4		6			
4	Hóa	5		1	4				1	4		5			
5	Sinh	3		1	2				2	1		3			
6	Sử	4			4				1	3		4			
7	Địa	2			2					2		2			
8	Anh	6		1	4	1			3	3		6			
9	Thể dục	3			3				1	2		3			
10	Nhạc	2			2				1	1		2			
11	Họa	2			2					2		2			
12	Tin	2			2					2		2			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1					2					
1	Hiệu trưởng	1			1					1					



2	Phó hiệu trưởng	1		1	0				1					
III	Nhân viên	6		1	3	2			1					
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1				1								
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2		1	1				1					
IV	TPT đội	0			0									

Sơn Trà, ngày 06 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Mai Huyền Thu Hoài

